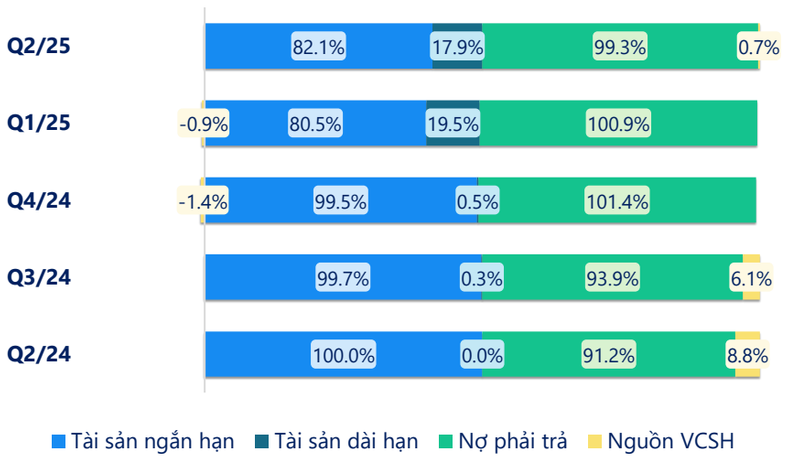
FireAnt

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
SL cổ phiếu LH	15,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,440
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	-63.9
EPS	-58

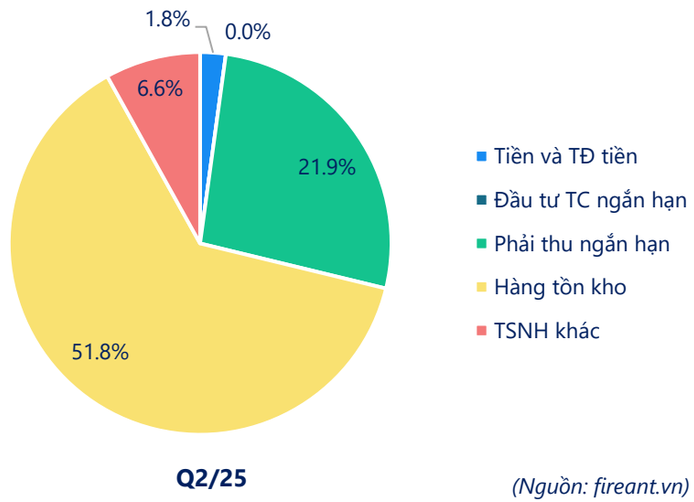
	YTD	1T	3T	6T
ATG	76.2%	19.4%	23.3%	85.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



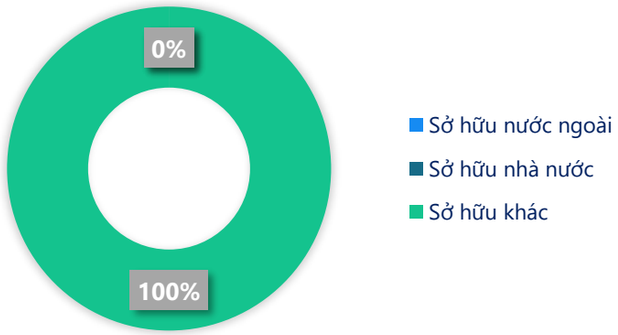
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



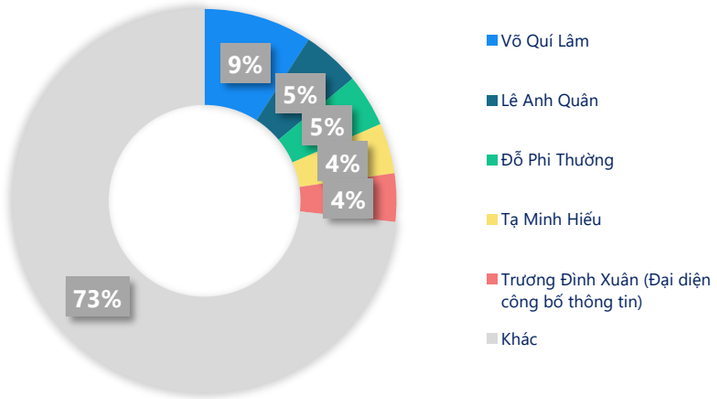
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



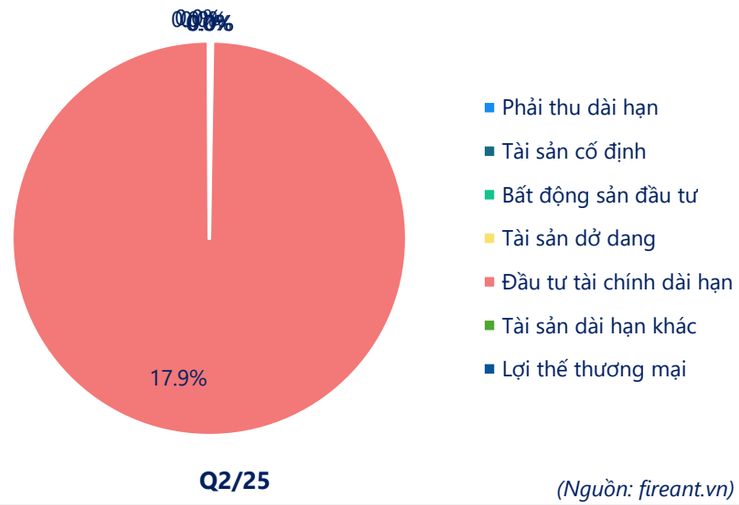
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

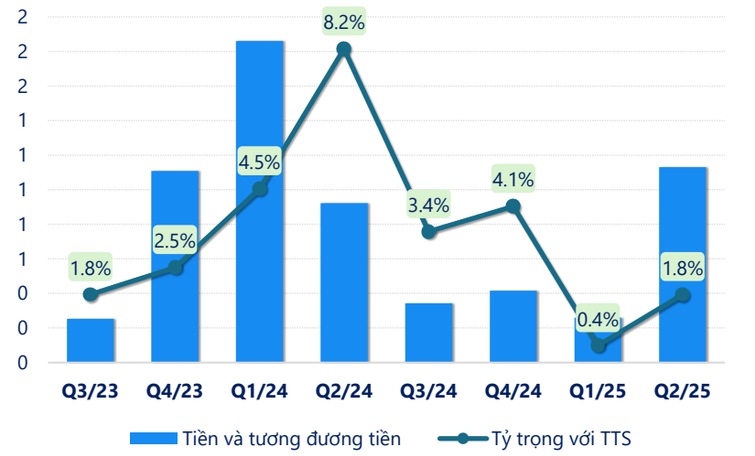


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

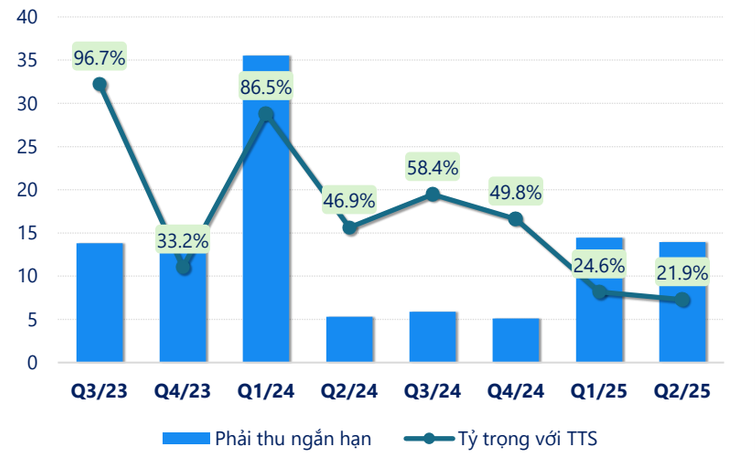
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Tiền và tương đương tiền



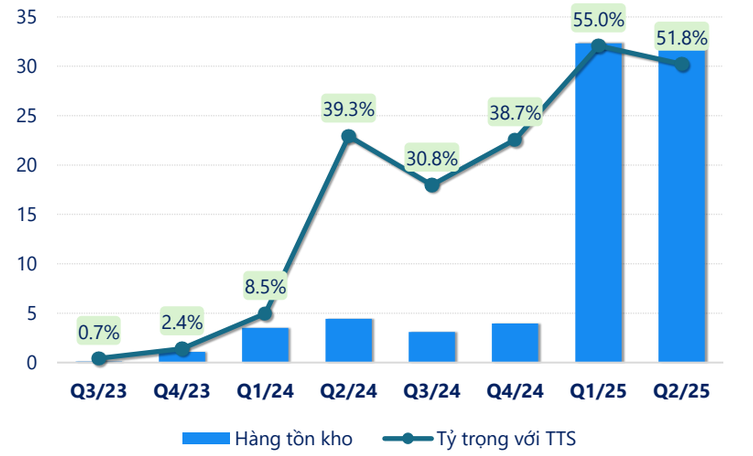
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



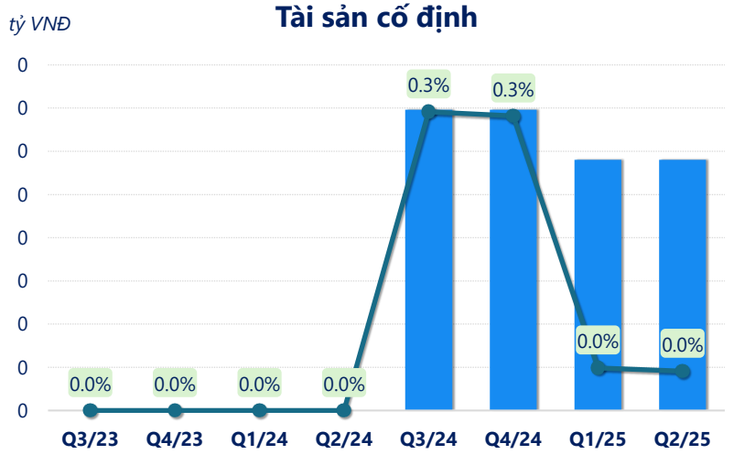
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



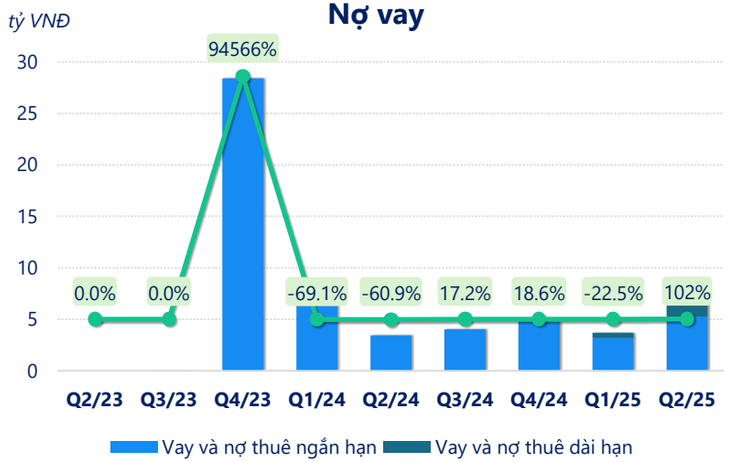
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



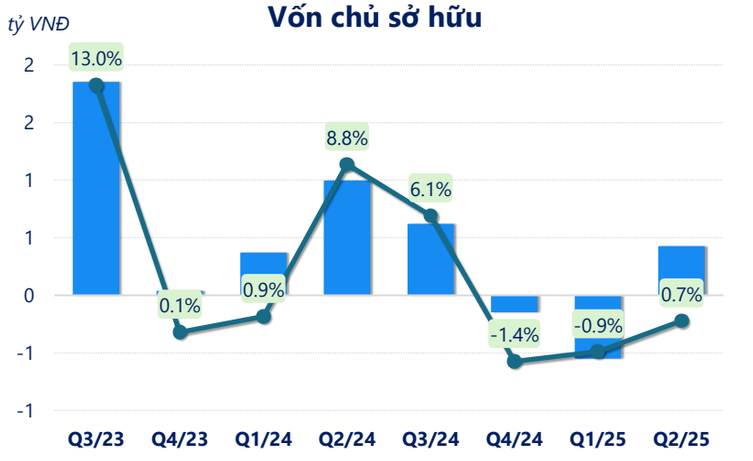
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

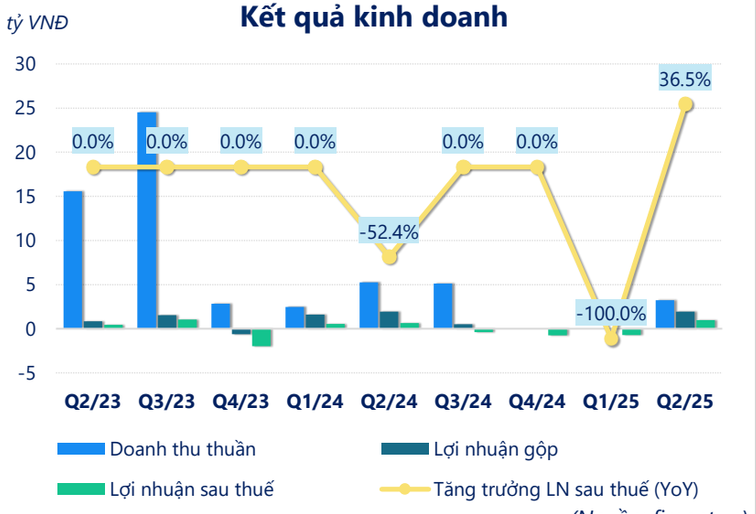


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

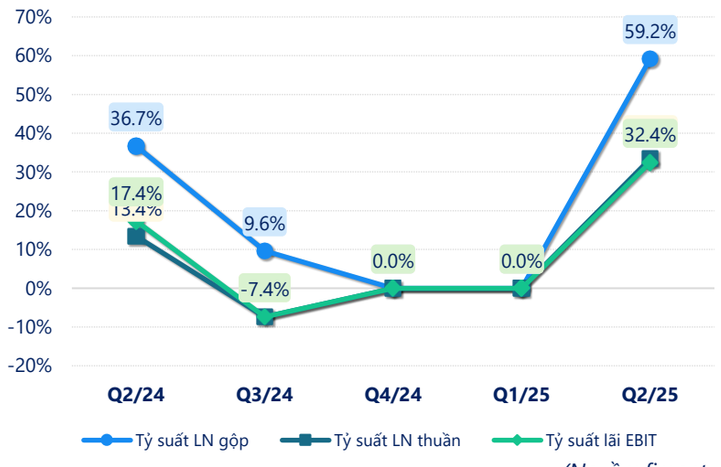
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Kết quả kinh doanh



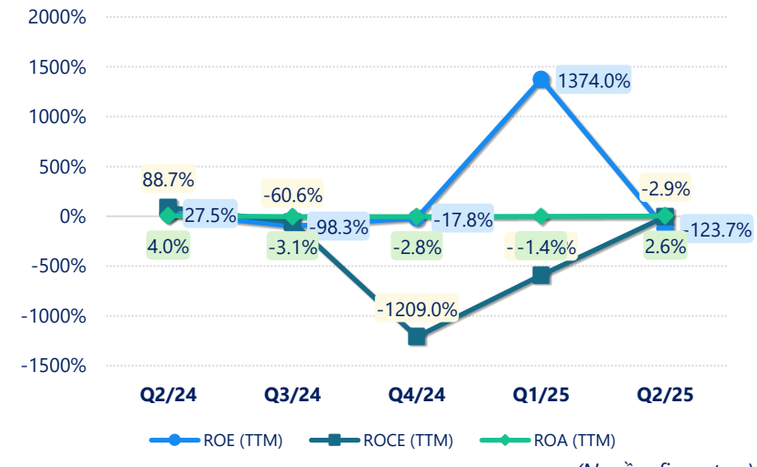
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



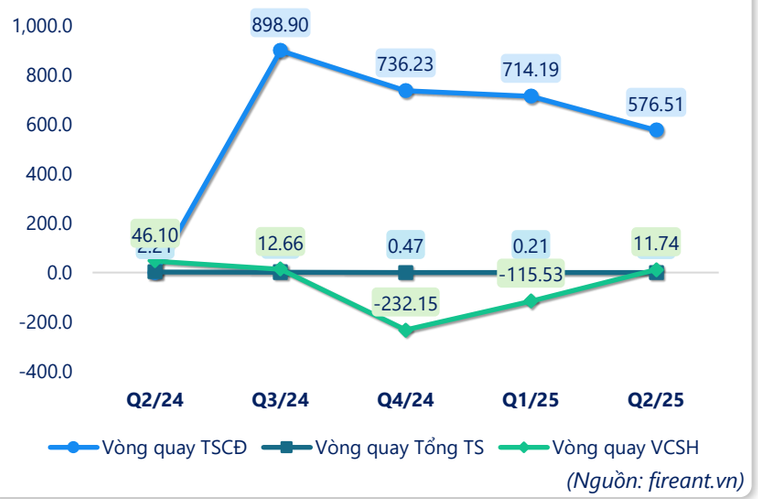
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



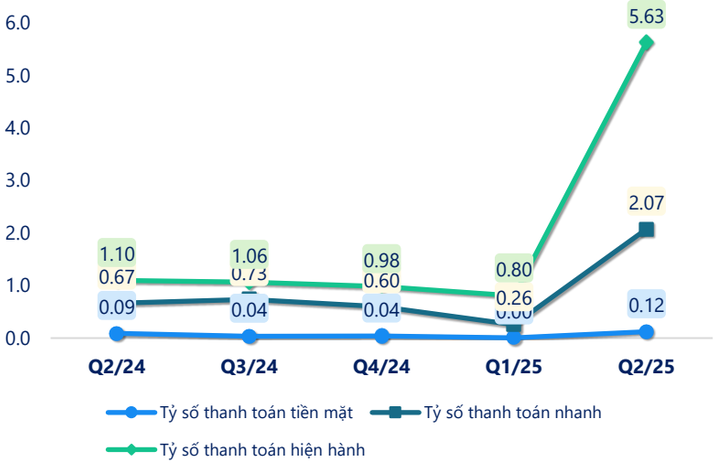
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



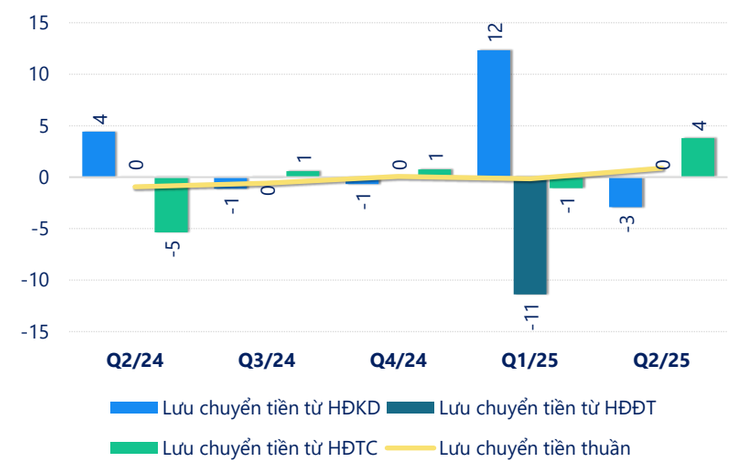
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**63.7**	**8.56**	**645%**
Tài sản ngắn hạn	52.3	8.51	515%
Tiền và tương đương tiền	1.13	0.42	172%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13.9	4.24	229%
Hàng tồn kho	33.0	3.47	851%
Tài sản ngắn hạn khác	4.22	0.38	1006%
Tài sản dài hạn	**11.4**	**0.05**	**25189%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.03	0.03	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.4	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-64.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.3	8.39	655%
Nợ ngắn hạn	**9.29**	**7.15**	**30.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.27	3.54	48.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.34	122%
Nợ dài hạn	54.0	1.24	4256%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.23	1.24	79.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0.43**	**0.16**	**159%**
Vốn chủ sở hữu	**0.43**	**0.16**	**159%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	5.24	5.12	0	0	3.24
Giá vốn hàng bán	3.32	4.63	0	0	1.32
Lợi nhuận gộp	1.92	0.49	0	0	1.92
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.23	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.23	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.95	0.87	0.70	0.72	0.84
LN thuần từ HĐKD	0.70	-0.38	-0.70	-0.72	1.08
Lợi nhuận khác	-0.02	0	-0.06	0	-0.03
LN trước thuế	0.68	-0.38	-0.77	-0.72	1.05
Lợi nhuận sau thuế	0.63	-0.38	-0.77	-0.72	0.98
LNST của CĐ cty mẹ	0.63	-0.38	-0.77	-0.72	0.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.41	-1.13	-0.68	12.3	-2.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.04	0	-11.4	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.35	0.59	0.75	-1.08	3.79
Tiền đầu kỳ	1.86	0.92	0.34	0.42	0.26
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.94**	**-0.58**	**0.07**	**-0.16**	**0.87**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.92	0.34	0.42	0.26	1.13

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic